

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày: 27/12/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Ngọc Thu.
2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 81/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Thành L**, sinh năm 1990 tại Ninh Bình; nơi cư trú/ thường trú: xóm E, xã Ân, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1966; vợ: Bùi Thị X, sinh năm 1992, có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án - tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1970; cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Yên N1**, sinh năm 1985; cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

- Ông **Dương Trường T**, sinh năm 1977; cư trú: Sô A, khóm C, phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 1955; cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Tấn C**, sinh năm 1973; cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

- Bà **Hồ Kim C1**, sinh năm 1968; cư trú: Số B, đường C, khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Bà **Phan Thị Kiều L1**, sinh năm 1968; cư trú: Số F, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Bà **Lê Thị Tuyết V**, sinh năm 1959; cư trú: Số A, đường N, Phường H, thành phố V tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Bà **Trần Thị Trúc P**, sinh năm 1988; cư trú: Số A, đường Đ, khóm D, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Ông **Phạm Văn H2**, sinh năm 1975; cư trú: Số A, đường T, khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1994; cư trú: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Cẩm V1**, sinh năm 1969; cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Bà **Lê Thị H3**, sinh năm 1966, ngụ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Lê Hồng H4**, sinh năm 1972; cư trú: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/3/2020, bị cáo Vũ Thành L đến chợ P2, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để đòi tiền vay của Trần Thị Trúc P thì L và chị P xảy ra cự cãi nhau do P đã vay của L đến hạn theo thỏa thuận nhưng P không trả. Sau đó, chị P đến Công an P3, thành phố V trình báo về hành vi cho vay với lãi suất cao của L. Qua làm việc L tự nguyện giao nộp một số giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quá trình cho vay lãi nặng của mình, trong đó có 01 (một) quyển sổ ghi chép lại nội dung các lần mà L cho nhiều người vay trên địa bàn thành phố V. Sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được vào khoảng tháng 6/2019, bị cáo L từ tỉnh Ninh Bình vào thành phố V để làm thuê cho người tên N2 (*họ tên trong giấy tờ không rõ*) đi thu tiền góp của người vay tiền hằng ngày cho N2. Đến khoảng cuối năm 2019, khi N2 không còn cho tiền góp nữa nên L thấy việc cho vay có lợi nhuận cao và nhanh lấy lại tiền vốn. Từ đó L mượn một số tiền của gia đình và tiền tích góp của bản thân với tổng số tiền khoản 70.000.000 đồng để làm vốn cho vay. L đến khu vực đông người tập trung, rải tờ rơi có nội dung ghi hình thức cho vay lãi suất thấp, không cần thế chấp tài sản, có số điện thoại liên lạc là 0969075651 và 0338422314, ai có nhu cầu sẽ gọi điện cho L, thì L sẽ trực tiếp đến địa chỉ sinh sống hoặc địa chỉ kinh doanh của họ để xác định lại rồi cho vay, một số trường hợp L yêu cầu người vay phải thế chấp giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy phép kinh doanh, sổ hộ khẩu, có trường hợp không cần thế chấp các loại giấy tờ trên. Khi người vay chấp nhận vay thì bị cáo L trực tiếp đưa tiền mặt cho người vay và hàng ngày lấy tiền góp tại những địa điểm mà người vay lựa chọn (*thông qua liên lạc điện thoại*).

Qua làm việc với những người vay tiền (*do bị cáo L khai*) và đối chiếu với sổ ghi chép do L giao nộp, cũng như căn cứ vào lời khai của bị cáo và những người vay thì số tiền bị cáo cho nhiều người vay được Cơ quan điều tra làm rõ bị cáo L đã cho tất cả 19 người vay tiền, trong đó chỉ điều tra làm rõ được 14 người vay, còn lại 05 người không rõ thông tin nên chưa làm việc được nên Cơ quan điều tra tách 05 người này ra tiếp tục xác minh khi nào làm việc được sẽ xử lý sau. Cụ thể đối với 14 người vay tiền của bị cáo L đã vay và đóng lãi với hình thức góp ngày theo thỏa thuận với bị cáo như sau:

- Giữa bị cáo và người vay thỏa thuận cách thức vay và hình thức thanh toán với nhau như sau:

+ Đối với khoản vay 1.000.000 đồng. Người vay góp 22 ngày, mỗi ngày góp 50.000 đồng và khoản tiền phí cho vay 50.000 đồng. Hoàn thành khoản vay số tiền người vay phải trả vốn 1.000.000 đồng và 100.000 đồng lãi với 50.000 đồng phí vay, tổng cộng bằng 1.150.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 2.000.000 đồng. Người vay góp 22 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng và khoản tiền phí cho vay 100.000 đồng. Hoàn thành khoản vay số tiền người vay phải trả vốn 2.000.000 đồng và 200.000 đồng lãi với 100.000 đồng phí vay, tổng cộng bằng 2.300.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 3.000.000 đồng. người vay góp 22 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng và khoản tiền phí cho vay 100.000 đồng. Hoàn thành khoản vay số tiền người vay phải trả vốn là 3.000.000 đồng và lãi 300.000 đồng với phí vay là 100.000 đồng, tổng cộng bằng 3.400.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 4.000.000 đồng góp 22 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, tiền phí vay 150.000 đồng. Hoàn thành khoản vay số tiền người vay phải trả vốn là 4.000.000 đồng và 400.000 đồng lãi với phí vay là 150.000 đồng tổng cộng bằng 4.550.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 5.000.000 đồng góp 22 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, tiền phí vay 200.000 đồng. Hoàn thành khoản vay số tiền người vay phải trả vốn là 5.000.000 đồng và 500.000 đồng lãi với phí vay là 200.000 đồng tổng cộng bằng 5.700.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 8.000.000 đồng góp 22 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng, tiền phí vay 200.000 đồng. Hoàn thành khoản vay số tiền người vay phải trả vốn là 8.000.000 đồng và 800.000 đồng lãi với phí vay là 200.000 đồng tổng cộng bằng 9.000.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 16.000.000 đồng góp 22 ngày, mỗi ngày góp 800.000 đồng, tiền phí vay 400.000 đồng. Hoàn thành khoản vay số tiền người vay phải trả vốn là 16.000.000 đồng và 1.600.000 đồng lãi với phí vay là 400.000 đồng tổng cộng bằng 18.000.000 đồng.

Trường hợp người vay có nhu cầu vay mới khi chưa hoàn thành việc góp dây vay cũ thì L sẽ cho người vay “Đảo” lại vay dây mới khi đã góp được từ 12 đến 14 ngày, tiền vay nhận được sẽ trừ đi tổng số tiền còn phải góp của dây vay cũ và tiền phí khi vay dây mới. Người vay sẽ thực hiện góp tiền hàng ngày từ 22 đến 28 ngày.

- Tiền lãi mỗi ngày xác định như sau:

+ Đối với khoản vay 1.000.000 đồng góp 22 ngày thì mỗi ngày bị cáo L đã lấy lãi là 4.500 đồng tương đương lãi suất 25%/ tháng (*tương đương 165,9%/ năm*) gấp 8,2 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự.

+ Đối với khoản vay 5.000.000 đồng góp 28 ngày thì mỗi ngày góp 200.000 đồng, tiền phí vay 200.000 đồng. Hoàn thành đây vay số tiền phải góp là 5.800.000 đồng. Mỗi ngày L lấy lãi là 4.280 đồng trên số tiền vay 1.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 156,4%/năm gấp 7,8 lần so với quy định của Nhà nước về mức lãi suất vay được thực hiện trong giao dịch dân sự.

+ Đối với khoản vay Người vay 6.000.000 đồng góp 28 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, tiền phí vay 200.000 đồng. Hoàn thành đây vay số tiền phải trả là 7.200.000 đồng, mỗi ngày L thu tiền lãi là 5.900 đồng trên số tiền vay 1.000.000 đồng, lãi suất là 217%/năm gấp 10,7 lần so với quy định của nhà nước về lãi suất vay được thực hiện trong giao dịch dân sự.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với các cá nhân đã vay tiền của L xác định mức lãi suất bị cáo L đã cho vay từ 156,4%/năm gấp 7,8 lần đến 217%/năm gấp 10,7 lần mức lãi suất Nhà Nước quy định (*theo quy định của Bộ luật Dân sự thì người cho vay và người vay được phép thoả thuận về mức lãi suất nhưng không vượt quá 20%/năm đối với tổng số tiền vay*), cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị H1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020, H1 vay của L nhiều lần số tiền vay là 38.000.000 đồng (*gồm 06 lần vay 3.000.000 đồng, 04 lần vay 5.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 40.450.000 đồng, trong đó phí vay là 1.400.000 đồng và lãi suất góp là 3.459.091 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 416.986 đồng, lãi suất thu vượt là 3.042.105 đồng*), đã thu lợi bất chính được 4.442.105 đồng. Số tiền H1 còn nợ chưa góp là 1.000.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Yến N1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào năm 2019 N1 vay của L nhiều lần số tiền vay là 24.000.000 đồng (*gồm 09 lần vay 1.000.000 đồng, 01 lần vay 2.000.000 đồng, 03 lần vay 3.000.000 đồng và 01 lần vay 4.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 21.250.000 đồng, trong đó phí vay là 1.000.000 đồng và lãi suất góp là 1.931.818 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 232.877 đồng, lãi suất thu vượt là 1.698.941 đồng*), đã thu lợi bất chính được 2.698.941 đồng. Số tiền N1 còn nợ chưa góp là 4.681.818 đồng.

3. Dương Trường T đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào tháng 11/2019 T vay của L nhiều lần số tiền vay là 32.000.000 đồng (*gồm 01 lần vay 2.000.000 đồng, 10 lần vay 3.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 32.350.000 đồng, trong đó phí vay là 1.100.000 đồng và lãi suất góp là 2.940.909 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 354.521 đồng, lãi suất thu vượt là 2.586.388 đồng*), đã thu lợi bất chính được 3.686.388 đồng. Số tiền T còn nợ chưa góp là 2.590.909 đồng.

4. Nguyễn Thị Thanh T1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Cuối năm 2019 T1 vay của L nhiều lần số tiền vay là 7.000.000 đồng (*gồm 07 lần vay 1.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 7.250.000 đồng, trong đó phí vay là 350.000 đồng và lãi suất góp là 663.636 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 79.452 đồng, lãi suất thu vượt là 584.184 đồng*), đã thu lợi bất chính được 934.184 đồng. Số tiền T1 còn nợ chưa góp là 363.636 đồng.

5. Nguyễn Tấn C đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020 Cang vay của L nhiều lần số tiền vay là 48.000.000 đồng (*gồm 03 lần vay 16.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 47.400.000 đồng, trong đó phí vay là

1.200.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 3.490.909 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 420.822 đồng, lãi suất thu vượt là 3.070.087 đồng*), đã thu lợi bất chính được 4.270.087 đồng. Số tiền C còn nợ chưa góp là 4.000.000 đồng.

6. Hồ Kim C1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 Chi vay của L nhiều lần số tiền vay là 14.000.000 đồng (*gồm 07 lần vay 2.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 15.200.000 đồng, trong đó phí vay là 600.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 1.200.000 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 144.658 đồng, lãi suất thu vượt là 1.055.342 đồng*), đã thu lợi bất chính được 1.655.342 đồng.

7. Phan Thị Kiều L1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 L1 vay của L nhiều lần số tiền vay là 25.000.000 đồng (*gồm 08 lần vay 2.000.000 đồng, 03 lần vay 3.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 27.200.000 đồng, trong đó phí vay là 700.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 2.200.000 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 265.205 đồng, lãi suất thu vượt là 1.934.795 đồng*), đã thu lợi bất chính được 2.634.795 đồng.

8. Lê Thị Tuyết V đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 V vay của L nhiều lần số tiền vay là 30.000.000 đồng (*gồm 06 lần vay 5.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 28.600.000 đồng, trong đó phí vay là 1.200.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 3.064.286 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 391.781 đồng, lãi suất thu vượt là 2.672.505 đồng*), đã thu lợi bất chính được 3.872.505 đồng. Số V còn nợ chưa góp là 4.464.286 đồng.

9. Trần Thị Trúc P đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Cuối năm 2019 P vay của L nhiều lần số tiền vay là 10.000.000 đồng (*gồm 02 lần vay 5.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 8.000.000 đồng, trong đó phí vay là 400.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 857.143 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 109.589 đồng, lãi suất thu vượt là 747.554 đồng*), đã thu lợi bất chính được 1.147.554 đồng. Số P còn nợ chưa góp là 2.857.143 đồng.

10. Phạm Văn H2 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020 H2 vay của L nhiều lần số tiền vay là 18.000.000 đồng (*gồm 02 lần vay 3.000.000 đồng, 03 lần vay 4.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu tổng 17.200.000 đồng, trong đó phí vay là 750.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 1.563.636 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 188.493 đồng, lãi suất thu vượt là 1.375.143 đồng*), đã thu lợi bất chính được 2.125.143 đồng. Số tiền H2 còn nợ chưa góp là 2.363.637 đồng.

11. Nguyễn Hoàng S đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào tháng 03/2019 S vay của L nhiều lần số tiền vay là 12.000.000 đồng (*gồm 02 lần vay 6.000.000 đồng*). Tổng số tiền L đã thu 13.000.000 đồng, trong đó phí vay là 400.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 1.285.714 đồng (*số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 118.356 đồng, lãi suất thu vượt là 1.167.358 đồng*), đã thu lợi bất chính được 1.567.358 đồng.

12. Nguyễn Thị Cẩm V1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 V1 vay của L nhiều lần số tiền vay là 28.000.000 đồng (gồm 04 lần vay 3.000.000 đồng, 04 lần 4.000.000 đồng). Tổng số tiền L đã thu 27.800.000 đồng, trong đó phí vay là 1.000.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 2.527.273 đồng (số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 304.658 đồng, lãi suất thu vượt là 2.222.615 đồng), đã thu lợi bất chính được 3.222.615 đồng. Số tiền V1 còn nợ chưa góp là 2.727.273 đồng.

13. Lê Thị H3 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020 H3 vay của L nhiều lần số tiền vay là 12.000.000 đồng (gồm 04 lần vay 3.000.000 đồng). Tổng số tiền L đã thu 11.250.000 đồng, trong đó phí vay là 400.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 1.022.727 đồng (số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 123.288 đồng, lãi suất thu vượt là 899.440 đồng), đã thu lợi bất chính được 1.299.440 đồng. Số tiền H3 còn nợ chưa góp là 1.772.727 đồng.

14. Nguyễn Lê Hồng H4 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 H4 vay của L nhiều lần số tiền vay là 42.000.000 đồng (gồm 02 lần vay 5.000.000 đồng, 04 lần 8.000.000 đồng). Tổng số tiền L đã thu 37.800.000 đồng, trong đó phí vay là 1.200.000 đồng, số tiền lãi suất góp là 3.436.364 đồng (số tiền lãi suất thu hợp pháp theo Bộ luật dân sự là 414.247 đồng, lãi suất thu vượt là 3.022.117 đồng), đã thu lợi bất chính được 4.222.117 đồng. Số tiền H4 còn nợ chưa góp là 3.000.000 đồng.

Qua đối chiếu với bị cáo và 14 người vay như trên đã xác định bị cáo L đã cho vay tổng số tiền 340.000.000 đồng. Đã thu được 334.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đã thu là 29.643.506 đồng (số tiền lãi thu vượt so với quy định của Bộ luật dân sự là 26.078.574 đồng, số tiền lãi thu tương ứng với quy định của Bộ luật dân sự là 3.564.933 đồng) và tiền phí vay là 11.700.000 đồng. Số tiền người vay còn nợ chưa thu là 29.821.429 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 37.778.574 đồng (bút lục số 340).

Vật chứng đang tạm giữ gồm: 1469 tờ rơi; 01 điện thoại di động hiệu oppo màu đen, 01 điện thoại hiệu Nokia và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen, số loại Nouvo, biển kiểm soát 64E1-114.01.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKS-TPVL, ngày 05/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Vũ Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

- **Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và phát biểu quan điểm các vấn đề khác liên quan đến vụ án:** Khẳng định nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố đối với bị cáo Vũ Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; phân tích đánh giá tác hại của hành vi bị cáo đã thực hiện, nhận định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thành L từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước; buộc bị cáo nộp lại 310.179.000 đồng vốn cho vay + 3.564.933 đồng tiền lãi tương ứng 20%/tháng + 11.700.000 đồng phí cho vay sung ngân sách Nhà nước; buộc bị cáo trả lại cho những người vay gồm: Trả lại cho Phạm Văn H2 1.375.143 đồng, Nguyễn Hoàng S 1.167.358 đồng, Nguyễn Thị Trúc P1 747.554 đồng, Lê Thị Tuyết V 2.672.505 đồng, Phan Thị Kiều L1 1.934.795 đồng, Hồ Thị Kim C1 1.055.342 đồng, Nguyễn Tấn C 3.070.087

đồng, Nguyễn Thị Thanh T1 584.184 đồng, Dương Trường T 2.586.388 đồng, Nguyễn Thị Yến N1 1.698.941 đồng, Nguyễn Thị H1 3.042.105 đồng, Nguyễn Lê Hồng H4 3.022.117 đồng, Lê Thị H3 899.440 đồng, Nguyễn Thị Cẩm V1 2.222.615 đồng. Buộc những người có tên sau đây nộp lại số tiền vốn vay chưa trả nợ xong để sung ngân sách Nhà nước gồm: Phạm Văn H2 2.363.637 đồng, Trần Thị Trúc P 2.857.143 đồng, Lê Thị Tuyết V 4.464.286 đồng, Nguyễn Tấn C 4.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh T1 363.636 đồng, Dương Trường T 2.590.909 đồng, Nguyễn Thị Yến N1 4.681.818 đồng, Nguyễn Thị H1 1.000.000 đồng, Nguyễn Lê Hồng H4 3.000.000 đồng, Lê Thị H3 1.772.727 đồng, Nguyễn Thị Cẩm V1 2.727.273 đồng. Tịch thu tiêu hủy 1496 tờ rơi; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động và 01 xe mô tô biển số 64E1- 114.01; buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Lời trình bày của bị cáo:** Thừa nhận đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đã thu lợi bất chính như nội dung cáo trạng miêu tả. Tại phiên tòa, bị cáo nhận ra sai trái, hứa sau này không tái phạm và xin cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời trình bày và khai nhận của bị cáo Vũ Thành L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án thể hiện qua lời khai bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cơ quan điều tra, sổ theo dõi cho vay và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng: Từ cuối năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, bị cáo Vũ Thành L đã lợi dụng những người có hoàn cảnh khó khăn, cần vốn làm ăn để giao kết thỏa thuận giao dịch dân sự cho những người vay tiền mà không cần thế chấp tài sản, đổi lại họ phải trả lãi suất vay rất cao so với quy định của pháp luật cho bị cáo thông qua hình thức: Vay góp lãi suất từ 156,4%/năm gấp 7,8 lần đến 217%/năm gấp 10,7 lần mức lãi suất Nhà Nước quy định (theo quy định của Bộ luật Dân sự thì người cho vay và người vay được phép thỏa thuận về mức lãi suất nhưng không vượt quá 20%/năm đối với tổng số tiền vay), cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị H1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020, H1 vay của L 38.000.000 đồng (gồm 06 lần vay 3.000.000 đồng, 04 lần vay 5.000.000 đồng). Tổng số tiền H1 đã góp 40.450.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 3.459.091 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 416.986 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 3.042.105 đồng) và phí vay 1.400.000 đồng. Số tiền còn lại chưa góp trả vốn là 1.000.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền là 4.442.105 đồng.

2. Nguyễn Thị Yến N1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào năm 2019 N1 vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 24.000.000 đồng (gồm 09 lần vay 1.000.000 đồng, 01 lần vay 2.000.000 đồng, 03 lần vay 3.000.000 đồng, 01 lần vay 4.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 21.250.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 1.931.818 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 232.877 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 1.698.941 đồng) và phí vay 1.000.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền là 2.698.941 đồng. Số tiền còn nợ lại N1 chưa góp là 4.681.818 đồng

3. Dương Trường T đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào tháng 11/2019 T vay của bị cáo L tổng cộng 32.000.000 đồng (gồm 01 lần vay 2.000.000 đồng, 10 lần vay 3.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 32.350.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 2.940.909 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 354.521 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 2.586.388 đồng) và phí vay 1.100.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền là 3.686.388 đồng. Số tiền còn lại T chưa góp là 2.590.909 đồng.

4. Nguyễn Thị Thanh T1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Cuối năm 2019 T1 vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 7.000.000 đồng (gồm 07 lần vay 1.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 7.250.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 663.636 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 79.452 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 584.184 đồng) và phí vay 350.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 934.184 đồng. Số tiền còn lại T1 chưa góp là 363.636 đồng.

5. Nguyễn Tấn C đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020 C vay của bị cáo L tổng cộng 48.000.000 đồng (gồm 03 lần vay 16.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 47.400.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 3.490.909 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 420.822 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 3.070.087 đồng) và phí vay 1.200.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 4.270.087 đồng. Số tiền còn lại C chưa góp là 4.000.000 đồng.

6. Hồ Kim C1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 C1 vay của bị cáo L tổng cộng 14.000.000 đồng (gồm 07 lần vay 2.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 15.200.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 1.200.000 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 144.658 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 1.055.342 đồng) và phí vay 600.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 1.655.342 đồng.

7. Phan Thị Kiều L1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 L1 vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng (gồm 08 lần vay 2.000.000 đồng, 03 lần vay 3.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 27.200.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 2.200.000 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 265.205 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 1.934.795 đồng) và phí vay 700.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 2.634.795 đồng.

8. Lê Thị Tuyết V đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 V vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng (gồm 06 lần vay 5.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 28.600.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 3.064.286 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 391.781 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 2.672.505 đồng) và phí vay 1.200.000 đồng. Như

vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 3.872.505 đồng. Số tiền V còn nợ lại chưa góp là 4.464.286 đồng.

9. Trần Thị Trúc P đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Cuối năm 2019 P vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng (gồm 02 lần vay 5.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 8.000.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 857.143 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 109.589 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 747.554 đồng) và phí vay 400.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 1.147.554 đồng. Số tiền Phương còn nợ lại chưa góp là 2.857.143 đồng.

10. Phạm Văn H2 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020 H2 vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng (gồm 02 lần vay 3.000.000 đồng, 03 lần vay 4.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 17.200.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 1.563.636 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 188.493 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 1.375.143 đồng) và phí vay 750.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 2.125.143 đồng. Số tiền H2 còn nợ lại chưa góp là 2.363.637 đồng.

11. Nguyễn Hoàng S đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào tháng 03/2019 S vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng (gồm 02 lần vay 6.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 13.000.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 1.285.714 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 118.356 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 1.167.358 đồng) và phí vay 400.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 1.567.358 đồng.

12. Nguyễn Thị Cẩm V1 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 V1 vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 28.000.000 đồng (gồm 04 lần vay 3.000.000 đồng, 04 lần 4.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 27.800.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 2.527.273 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 304.658 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 2.222.615 đồng) và phí vay 1.000.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 3.222.615 đồng. Số tiền V1 còn nợ lại chưa góp là 2.727.273 đồng.

13. Lê Thị H3 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào đầu năm 2020 H3 vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng (gồm 04 lần vay 3.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 11.250.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 1.022.727 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 123.288 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 899.440 đồng) và phí vay 400.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 1.299.440 đồng. Số tiền H3 còn nợ lại chưa góp là 1.772.727 đồng.

14. Nguyễn Lê Hồng H4 đã vay, góp vốn và lãi như sau:

Vào cuối năm 2019 H4 vay của bị cáo L tổng số tiền vay là 42.000.000 đồng (gồm 02 lần vay 5.000.000 đồng, 04 lần 8.000.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 37.800.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã đóng lãi là 3.436.364 đồng (trong đó lãi tương ứng quy định Bộ luật Dân sự 20%/năm là 414.247 đồng; lãi vượt quá 20%/năm là 3.022.117 đồng) và phí vay 1.200.000 đồng. Như vậy L đã thu lợi bất chính số tiền 4.222.117 đồng. Số tiền H4 còn nợ lại chưa góp là 3.000.000 đồng.

Qua đối chiếu với bị cáo và 14 người vay như trên đã xác định bị cáo L đã cho vay tổng số tiền 340.000.000 đồng. Đã thu được 334.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đã thu là 29.643.506 đồng (*số tiền lãi thu vượt so với quy định của Bộ luật dân sự là 26.078.574 đồng, số tiền lãi thu tương ứng với quy định của Bộ luật dân sự là 3.564.933 đồng*) và tiền phí cho vay là 11.700.000 đồng. Số tiền người vay còn nợ chưa thu là 29.821.429 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 37.778.574 đồng (*gồm tiền phí cho vay 11.700.000 đồng và tiền lãi vượt quá 20%/năm 26.078.574 đồng*). Như vậy, đối chiếu với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì bị cáo đã cho vay thu lãi suất từ 156,4%/năm đến 217%/năm, vượt gấp 7,8 lần đến 10,7 lần trở lên so với quy định của pháp luật và thu lợi bất chính số tiền 37.778.574 đồng (*đã trừ mức lãi tương ứng 1,666%/tháng*).

Dấu hiệu hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Thành L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố đối với các bị cáo và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của người dân, gây rối ren làm ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội và tình hình an ninh trật tự ở địa phương; bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn hưởng thụ trên công sức lao động của người khác nên đã dấn thân vào con đường phạm tội. Do đó cần phải xử lý để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo có cha là người có công với tổ quốc. Vì vậy xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Vật chứng đang tạm giữ:

- Đối với 1469 tờ rơi thể hiện nội dung cho vay là công cụ bị cáo thực hiện tội phạm nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu oppo màu đen, 01 điện thoại hiệu Nokia và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen, số loại Nouvo, biển kiểm soát 64E1-114.01 là phương tiện bị cáo thực hiện tội phạm nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 01/2021 thì lãi suất là do các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm (*1,666%/tháng*), qua phân tích trên thì bị cáo đã thu với mức lãi suất từ 13,03%/tháng đến 18,08%/tháng. Vì vậy, khoản tiền lãi đã thu vượt hơn 1,666%/tháng trong giao dịch dân sự là trái pháp luật nên không có hiệu lực, do đó buộc các bị cáo phải trả lại số tiền này cho những người vay. Đối với số tiền vốn bị cáo dùng cho vay 340.000.000 đồng nhưng chỉ thu về 310.179.000 đồng, còn 29.821.429 đồng chưa thu được và số tiền lãi đã thu tương ứng 1,666%/tháng 3.564.933 đồng, số tiền phí cho vay 11.700.000 đồng đây là số tiền được xem là công cụ, phương tiện phạm tội đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên buộc bị cáo nộp lại sung công quỹ Nhà nước; đối với những người vay còn nợ lại vốn

gốc chưa góp trả cho bị cáo, những người này phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền còn nợ chưa góp để sung ngân sách Nhà nước; bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lãi vượt hơn mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định (1,666%/tháng) cho những người vay, cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo L nộp lại số tiền vốn cho vay (*Sau khi trừ số tiền những người vay còn nợ chưa trả vốn*) 310.179.000 đồng và số tiền lãi thu tương ứng 1,666%/tháng bằng tổng số tiền 3.564.933 đồng, tiền phí cho vay 11.700.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo L trả lại cho những người vay số tiền thu lãi vượt hơn mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định (1,666%/tháng) như sau: Trả lại cho Phạm Văn H2 1.375.143 đồng; trả lại cho Nguyễn Hoàng S 1.167.358 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị Trúc P1 747.554 đồng; trả lại cho Lê Thị Tuyết V 2.672.505 đồng; trả lại cho Phan Thị Kiều L1 1.934.795 đồng; trả lại cho Hồ Thị Kim C1 1.055.342 đồng; trả lại cho Nguyễn Tấn C 3.070.087 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị Thanh T1 584.184 đồng; trả lại cho Dương Trường T 2.586.388 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị Yên N1 1.698.941 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị H1 3.042.105 đồng; trả lại cho Nguyễn Lê Hồng H4 3.022.117 đồng; trả lại cho Lê Thị H3 899.440 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị Cẩm V1 2.222.615 đồng.

- Buộc những người có tên sau đây nộp lại số tiền vốn vay chưa trả góp xong để sung công quỹ Nhà nước gồm: Phạm Văn H2 nộp lại 2.363.637 đồng; Trần Thị Trúc P nộp lại 2.857.143 đồng; Lê Thị Tuyết V nộp lại 4.464.286 đồng; Nguyễn Tấn C nộp lại 4.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh T1 nộp lại 363.636 đồng; Dương Trường T nộp lại 2.590.909 đồng; Nguyễn Thị Yên N1 nộp lại 4.681.818 đồng; Nguyễn Thị H1 nộp lại 1.000.000 đồng; Nguyễn Lê Hồng H4 nộp lại 3.000.000 đồng; Lê Thị H3 nộp lại 1.772.727 đồng và Nguyễn Thị Cẩm V1 nộp lại 2.727.273 đồng.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Vũ Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.**

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Thành L** số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

2. Trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo L nộp lại số tiền 325.443.933 đồng (*ba trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng*) sung ngân sách Nhà nước (*gồm tiền cho vay 310.179.000 đồng, tiền phí vay 11.700.000 đồng và 3.564.933 đồng tiền thu lãi*).

- Buộc bị cáo L trả lại cho những người vay số tiền thu lãi vượt hơn mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định (1,666%/tháng), như sau: Trả lại cho Phạm Văn H2 1.375.143 đồng (*một triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm bốn mươi ba đồng*); trả lại cho Nguyễn Hoàng S 1.167.358 đồng (*một triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm năm mươi tám*

đồng); trả lại cho Nguyễn Thị Trúc P1 747.554 đồng (bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng); trả lại cho Lê Thị Tuyết V 2.672.505 đồng (hai triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm lẻ năm đồng); trả lại cho Phan Thị Kiều L1 1.934.795 đồng (một triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, bảy trăm chín mươi lăm đồng); trả lại cho Hồ Thị Kim C1 1.055.342 đồng (một triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi hai đồng); trả lại cho Nguyễn Tấn C 3.070.087 đồng (ba triệu, không trăm bảy mươi ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng); trả lại cho Nguyễn Thị Thanh T1 584.184 đồng (năm trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm tám mươi bốn đồng); trả lại cho Dương Trường T 2.586.388 đồng (hai triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng); trả lại cho Nguyễn Thị Yên N1 1.698.941 đồng (một triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm bốn mươi một đồng); trả lại cho Nguyễn Thị H1 3.042.105 đồng (ba triệu, không trăm bốn mươi hai ngàn, một trăm lẻ năm đồng); trả lại cho Nguyễn Lê Hồng H4 3.022.117 đồng (ba triệu, không trăm hai mươi hai ngàn, một trăm mười bảy đồng); trả lại cho Lê Thị H3 899.440 đồng (tám trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng); trả lại cho Nguyễn Thị Cẩm V1 2.222.615 đồng (hai triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn, sáu trăm mười lăm đồng).

- Buộc những người có tên sau đây nộp lại số tiền vốn vay chưa trả nợ xong để sung ngân sách Nhà nước gồm: Phạm Văn H2 nộp lại 2.363.637 đồng (hai triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm ba mươi bảy đồng); Trần Thị Trúc P nộp lại 2.857.143 đồng (hai triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi ba đồng); Lê Thị Tuyết V nộp lại 4.464.286 đồng (bốn triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng); Nguyễn Tấn C nộp lại 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng); Nguyễn Thị Thanh T1 nộp lại 363.636 đồng (ba trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng); Dương Trường T nộp lại 2.590.909 đồng (hai triệu, năm trăm chín mươi ngàn, chín trăm lẻ chín đồng); Nguyễn Thị Yên N1 nộp lại 4.681.818 đồng (bốn triệu, sáu trăm tám mươi một ngàn, tám trăm mười tám đồng); Nguyễn Thị H1 nộp lại 1.000.000 đồng (một triệu đồng); Nguyễn Lê Hồng H4 nộp lại 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); Lê Thị H3 nộp lại 1.772.727 đồng (một triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi bảy đồng); Nguyễn Thị Cẩm V1 nộp lại 2.727.273 đồng (hai triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Vật chứng có trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/11/2024 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long được xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 1469 (một ngàn, bốn trăm sáu mươi chín) tờ rơi.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu oppo (loại màn hình cảm ứng) màu đen, 01 (một) điện thoại hiệu Nokia (loại bàn phím số) màu đen và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - đen, biển số 64E1-114.01, xe không kính chiếu hậu (02 điện thoại và xe mô tô đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy, được niêm phong có chữ ký của Lê Minh T2 và Huỳnh Thị Yến N3).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội. Buộc bị cáo Vũ Thành L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tuấn